TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 21 - 02 - 2023
V/v "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2022/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"*.

Do bản hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 202/2022/HNGĐ-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2022/QĐXX-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Hồng H, sinh năm 1978 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tô Văn C – Luật sư của Công ty luật TNHH – MTV Tô Văn C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Mai Hoàng T, sinh năm 1977 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp M, xã N, huyện Đ, Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Tố N – Luật sư của Văn phòng Luật sư Mũi Cà Mau thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Mai Văn T, sinh năm 1954 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Bà Trần Như N – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1955 (vắng).

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3. Chị Mai Ánh L, sinh năm 1979. Cư trú tại: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng).

4. Chị Mai Thị B, sinh năm 1981. Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng).

5. Chị Mai Kim C, sinh năm 1983. Cư trú tại: Khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng).

6. Anh Mai Hoàng S, sinh năm 1985. Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng).

7. Chị Mai Thanh Th, sinh năm 1988. Cư trú tại: Ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng).

8. Chị Phan Thị S. Cư trú tại: Ấp Hồng Phước, xã Nguyễn Huân, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng).

9. Anh Phạm Đình H. Cư trú tại: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng).

10. Anh Lục Minh Ph. Cư trú tại: Ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng).

11. Anh Trương Hùng K. Cư trú tại: Ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng).

12. Anh Trương Minh T. Cư trú tại: Ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng).

- *Người kháng cáo:* Anh Mai Hoàng T, là bị đơn; ông Mai Văn T, là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trương Hồng H trình bày:

Bản án số 73/2020/HNGĐ-ST ngày 30/3/2020 Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử không công nhận chị H và anh T là vợ chồng, phần tài sản chung tự thỏa thuận phân chia. Tuy nhiên, sau khi ly hôn anh T không đồng ý phân chia, tài sản do anh T quản lý sử dụng tọa lạc ấp M, xã N, huyện Đ, gồm có: Một căn nhà tường bê tông cốt thép, mái lộp tol (có 2 căn trước và sau), xây

dựng năm 2017 giá trị 800.000.000 đồng. Một phần đất diện tích 23.410m^2 nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Khánh H năm 1997 do anh T đứng tên quyền sử dụng. Chị H yêu cầu phân chia cho chị được hưởng ½, giá trị nhà, sân, cống, phần đất yêu cầu chia 6/4 chị nhận 4 phần giá trị đất, giao nhà và đất cho anh T quản lý, sử dụng.

Bị đơn anh Mai Hoàng T trình bày:

Về phần tài sản: Hiện tại anh đang quản lý nhà và đất theo như chị H trình bày. Tuy nhiên, căn nhà xây dựng năm 2015 giá trị chỉ có 600.000.000 đồng, phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 23.410m^2 là tài sản riêng của anh. Nguồn gốc đất vào tháng 5/1998 cha ruột anh là Mai Văn T và anh Phạm Thanh S là cậu cháu cùng hùn vàng với nhau để nhận chuyển nhượng phần đất của ông Nguyễn Khánh H diện tích hơn 4ha. Sau đó ông T và anh Sơn phân chia mỗi người ½, ông T sử dụng đất, xuất chi phí làm cống, cải tạo, thả con giống, tôm cua, sử dụng đất được một năm thì ông T kêu vợ chồng anh xuống ở sử dụng đất, làm vuông đến năm 2002 thì anh thực hiện thủ tục cấp quyền sử dụng, anh T đứng tên QSD đất. Việc anh T đứng tên là nhằm mục đích vay tiền ngân hàng để cải tạo đất nuôi tôm. Sau đó thì vợ chồng quản lý sử dụng đến khi Toà án giải quyết không công nhận vợ chồng vào năm 2020, khi này phần tài sản chung giữa chị H và anh T tự thỏa thuận phân chia tất cả tài sản chị H đang quản lý là vàng nữ trang thì được hưởng không phân chia, phần nhà anh T quản lý, sau này để lại cho con dùng thờ cúng, đất chia làm 6 phần cho anh, chị H và 4 người con nhưng vẫn để cho anh T làm lo cho con và trả các khoản nợ của anh chị. Quá trình giải quyết vụ án anh T không đồng ý phân chia ½ diện đất mà chỉ đồng ý trả công sức đóng góp cho chị H bằng số tiền 100.000.000 đồng, anh yêu cầu được hưởng toàn bộ phần đất và tiếp tục quản lý sử dụng. Tại phiên toà sơ thẩm, anh T chỉ đồng ý phân chia cho chị H giá trị nhà tương ứng 4/10 anh được hưởng 6 phần, đất không đồng ý phân chia, anh yêu cầu được hưởng nhà, đất.

Ngoài ra, anh T có yêu cầu phản tố và trình bày: Vào ngày 24/4/2019 chị H tự ý bỏ nhà ra đi đã mang theo vàng nữ trang là tài sản chung của vợ chồng để tiêu xài cá nhân, gồm: 01 chiếc nhẫn mặt tợ 05 chỉ vàng 24k, 02 bộ vòng đeo tay 18k có 21 chiếc vòng, 01 dây chuyền 05 chỉ vàng 18k, 03 chiếc nhẫn vàng 18k. Do chị H yêu cầu chia nhà, đất nên anh yêu cầu phân chia ½ số vàng nêu trên, yêu cầu nhận ½ giá trị là 40.500.000 đồng. Tại phiên toà anh T rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố, không yêu cầu không phân chia số vàng nữ trang nêu trên.

Về phần nợ trả chung: Quá trình chung sống anh chị có nợ những người như sau: Ngày 30/3/2015 mượn của anh Mai Hoàng Sáu 80.000.000 đồng. Ngày 15/4/2015 mượn của chị Mai Thị Bông 70.000.000 đồng dùng để xây dựng căn nhà trên phần đất 23.410m^2 nêu trên. Thời gian ly thân khi chị H bỏ nhà đi ngày 24/4/2019 còn nợ hụi chết của các dây hụi đã hốt, anh T là người xuất tiền đóng hụi chết cho chủ hụi từ ngày 24/4/2019 đến khi mãn hụi, cụ thể đóng hụi như sau: Anh Phạm Đình Hoàng, số tiền 31.000.000 đồng; ông

Trương Minh Tư, số tiền 64.000.000 đồng; Lục Minh Phương, số tiền 30.000.000 đồng; Phan Thị Sang, số tiền 31.000.000 đồng; Trương Hùng Kiệt, tổng số tiền 50.000.000 đồng. Trong năm 2020 có mượn tiền của những người như sau: Mai Thanh Thúy 60.000.000 đồng để mua xe hiệu SHmore cho con, giá trị khi mua là 73.000.000 đồng, Mai Kim Cúc 40.000.000 đồng và Mai Ánh Lượng số tiền 30.000.000 đồng để đóng hụi chết và nuôi con ăn học.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn T trình bày:

Năm 1998 vợ chồng ông cùng với anh Phạm Thanh Sơn nhận chuyển nhượng phần đất của ông Nguyễn Khánh H giá 13 lượng vàng 24k; riêng phần đất ông T nhận sang nhượng từ ông Hồng diện tích 23.410m^2, giá 65 chỉ vàng 24k, ông đã cải tạo và sử dụng đất được một năm nhưng vì do ở xa, canh giữ đất không tiện nên ông giao lại cho con là Mai Hoàng T và dâu Trương Hồng H ở giữ vuông. Do xổ vuông thất nên ông cho anh T thực hiện các thủ tục đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn tại ngân hàng về cải tạo đất, khi nào 5 người con của ông T lớn thì ông lấy lại đất để chia đều cho 5 người con. Nay các con của ông T đã lập gia đình có nhu cầu sử dụng đất nên ông yêu cầu anh T và chị H phải trả lại phần đất nêu trên cho ông.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 202/2022/HNGĐ-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Mai Hoàng T về việc phân chia tài sản là vàng 24k, vàng 18k;

- Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung của chị Trương Hồng H; chấp nhận một phần yêu cầu phân chia nợ chung của anh Mai Hoàng T.

Diện tích đất 23.093,7m^2 và tài sản trên đất tọa lạc ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau do anh Mai Hoàng T đứng tên quyền sử dụng được phân chia như sau:

+ Phân chia cho chị H được hưởng ½ giá trị nhà, sân, cống tổng giá trị là 226.227.000 đồng; 40% của diện tích đất 23.093,7m^2 giá trị là 461.874.000 đồng. Tổng cộng là 688.101.000 đồng.

+ Phân chia cho anh T được hưởng ½ giá trị nhà, sân, cống tổng giá trị là 226.227.000 đồng; 60% diện tích đất 23.093,7m^2 trị giá là 692.811.000 đồng. Tổng 919.038.000 đồng.

Buộc anh Mai Hoàng T phải có nghĩa vụ giao trả lại cho chị Trương Hồng H số tiền 688.101.000 đồng.

Anh Mai Hoàng T được tiếp tục quản lý và sử dụng diện tích đất 23.093,7m^2 và tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà tường kiên cố, 02 căn nhà bằng cây gỗ địa phương, sân lót gạch tự chèn, 01 cống xổ vuông bằng xi măng.

Buộc chị Trương Hồng H phải có nghĩa vụ trả lại cho anh T số tiền 103.000.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Mai Văn T về việc yêu cầu anh T và chị H giao trả cho ông T diện tích đất 23.093,7m^2.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 06/9/2022, bị đơn anh Mai Hoàng T kháng cáo, yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia phần đất diện tích 23.410m^2 tại ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06/9/2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Mai Văn T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của ông T về việc buộc Thêm, Hạnh giao trả cho ông T 23.410m^2; không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia phần đất.

Tại phiên tòa:

Bị đơn, Mai Hoàng T trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu của chị H về việc chia quyền sử dụng (viết tắt QSD) đất vì QSD đất cha mẹ tặng cho riêng anh T. Đồng ý hỗ trợ cho chị H 100.000.000đ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bản án sơ thẩm chia cho chị H hưởng 40% giá trị QSD đất là chưa phù hợp, bởi vì đất do ông T (cha anh T) nhận chuyển nhượng từ năm 1997, sau đó để một mình Thêm đứng tên giấy chứng nhận QSD đất cho nên là tài sản Thêm được tặng cho; Vì vậy, không chấp nhận khởi kiện của chị H về yêu cầu chia giá trị QSD đất, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm anh T tự nguyện hỗ trợ cho chị H 100 triệu đồng.

Nguyên đơn, chị Trương Hồng H trình bày: Chị đồng ý với toàn bộ nội dung và quyết định của án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông T sang đất năm 1997, canh tác khoảng 01 năm không có khả năng cải tạo nên giao cho anh T đăng ký để được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Chị H, anh T chung sống khoảng 20 năm nên Hạnh có đóng góp vào phần đất, chia cho Hạnh hưởng 40% là phù hợp.

Ông Mai Văn T trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu Thêm và Hạnh giao trả lại cho ông T phần đất có diện tích 23.410m^2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T trình bày: Năm 1997, vợ chồng ông T xuất ra 65 chỉ vàng 24k để mua phần đất 23.410m^2 của ông Khành Hồng, sau đó ông bị bệnh nặng không có khả năng lao động, nên tạm giao cho Thêm quản lý đất canh tác nuôi gia đình của Thêm, việc Thêm đứng tên giấy chứng nhận QSD đất để thuận tiện giao dịch vay Ngân hàng. Anh T chị H chung sống trên 20 năm nhưng không có đăng ký kết hôn nên bản án của Tòa án không công nhận vợ chồng, án sơ thẩm xác định QSD đất sáp nhập thành tài

sản chung hợp nhất là không có căn cứ. QSD đất ông T tạm nhờ Thêm đứng tên, nên yêu cầu giao trả lại QSD đất cho ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không cháp nhận kháng cáo của ông T và kháng cáo của anh T; đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bản án sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Mai Văn T; buộc anh Mai Hoàng T phải chia giá trị quyền sử dụng đất cho chị H; ông T, anh T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của anh Mai Hoàng T yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia phần đất diện tích 23.410m^2 tại ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau

Qua xem xét toàn diện chứng cứ, thể hiện: Phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 23.410m^2 (đo đạc thực tế 23.093,7m^2) tại ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau do anh Mai Hoàng T đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất có nguồn gốc từ ông Mai Văn T cha ruột anh T nhận chuyển nhượng năm 1997 từ ông Nguyễn Khánh H giá 65 chỉ vàng 24k, đến năm 1998 ông T giao cho anh T chị H quản lý, canh tác để lo cho cuộc sống gia đình anh chị; Tại trang 5 bản án sơ thẩm số: 202/2022/HNGĐ-ST ngày 23/8/2022 nhận định: *Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận QSD đất cho Mai Hoàng T đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật, anh T được cấp giấy chứng nhận QSD đất công khai...; như vậy, xét về nguồn gốc đất là của ông T nhận chuyển nhượng từ ông Hồng, sau khi nhận chuyển nhượng đã tặng cho lại anh T, kể từ khi anh T được cấp giấy chứng nhận QSD đất thì không còn là tài sản của vợ chồng ông T*. Với nhận định này của án sơ thẩm là có căn cứ, phần đất có nguồn gốc từ ông T nhận chuyển nhượng, phù hợp với lời khai nhân chứng, phù hợp với lời khai của chị H đã xác nhận toàn bộ bản án sơ thẩm là đúng. Sau khi nhận đất, đến năm 2002 anh T lập thủ tục xin cấp QSD đất, về mặt pháp lý QSD đất là tài sản của anh T.

Tuy nhiên, tại trang 6 bản án sơ thẩm nhận định: *"Quá trình chung sống anh T đồng ý xác lập diện tích đất tranh chấp thành tài sản sở hữu chung hợp nhất*" với những căn cứ mà án sơ thẩm xác định anh T đồng ý sáp nhập thành tài sản chung đó là: *anh chị đã sử dụng diện tích đất để làm kinh tế gia đình tạo ra thu nhập, chị H làm công việc mua bán chổi, bán bánh để góp phần tạo ra khối tài sản và đồng thời ngày 11/02/2020 anh chị có làm giấy thỏa thuận chia đất.* Với nhận định này để kết luận anh T đồng ý xác lập thành tài sản chung là đánh

giá chưa toàn diện, bởi lẽ anh T, chị H xây nhà, mua sắm tài sản là sau khi nhận đất, có phần đất từ ông T giao canh tác đã góp phần tạo nên tài sản gia đình của anh chị và giấy thỏa thuận lập ngày 11/02/2020 thể hiện chị H được chia 3500m^2 đất (nếu tính giá trị theo định giá là 175 triệu đồng), biên bản còn thể hiện 3500m^2 đất được chia nhưng chị H không được nhận đất hay tiền mà giao lại cho anh T quản lý, canh tác để sau này người con nào nuôi chị H thì nhận 3500m^2 đất; Qua tờ thỏa thuận này cho thấy nếu như QSD đất là tài sản chung thì tại sao biên bản thỏa thuận về thực chất chị H không được nhận tài sản hoặc giá trị tài sản mà anh T là người quản lý toàn bộ tài sản và biên bản còn thể hiện diện tích 3500m^2 đất mà chị H được chia là không được sang bán; biên bản thỏa thuận lập ngày 11/02/2020 đến ngày ngày 25/02/2020 chị H gửi đơn xin ly hôn, tức là thỏa thuận chia tài sản trước khi gửi đơn xin ly hôn 15 ngày; Với những chứng cứ phân tích cho thấy lời trình bày của anh T về QSD đất là tài sản riêng của anh T là có cơ sở chấp nhận, vì không có căn cứ pháp lý chứng minh anh T đồng ý sáp nhập QSD đất thành tài sản chung của vợ chồng.

Anh T kháng cáo không đồng ý chia giá trị QSD đất cho chị H là không được chấp nhận, bởi vì anh chị chung sống với nhau khoảng 20 năm, chị H có đóng góp trong việc quản lý, giữ gìn, tôn tạo để làm tăng giá trị QSD đất, cho nên chia cho chị H 20% giá trị QSD đất bằng 230.937.000 đồng là tương xứng với công sức đóng góp của chị, với số tiền chị H được nhận là nhiều hơn so với tờ thỏa thuận chia tài sản mà hai đương sự lập ngày 11/02/2020 (Tờ thỏa thuận chị H được nhận giá trị QSD đất tương đương 175 triệu đồng, về căn nhà không được chia mà giao hết căn nhà cho anh T quản lý, sau này người con nào ở thì thờ cúng ông bà);

[3] Xem xét kháng cáo của ông Mai Văn T yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc anh T chị H trả lại phần đất tích 23.410m^2 tại ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau

Như đã phân tích trên, nguồn gốc đất do vợ chồng ông T, bà Đố nhận chuyển nhượng từ ông Hồng năm 1997 với giá 65 chỉ vàng 24k, sau đó giao cho anh T chị H quản lý canh tác khi phần đất đã đưa vào khai thác, vợ chồng Thêm không phải đầu tư cải tạo gì trên đất, mà chỉ thụ hưởng. Sự việc anh T được đứng tên QSD đất ông T biết và đồng ý, nay ông T cho rằng chỉ tạm giao và nhờ Thêm đứng tên chứ không có tặng cho anh T phần đất, nhưng ông T không đưa ra được chứng cứ là tạm giao cho anh T trong khi đó anh T xác nhận QSD đất là tài sản riêng được cha mẹ tặng cho. Do đó, ông T phải gánh chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, cho nên kháng cáo của ông T không được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của anh T, buộc anh T giao cho chị H một phần giá trị QSD đất bằng 230.937.000 đồng; không chấp nhận kháng cáo của ông T; Sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự có giá ngạch: Do sửa một phần án sơ thẩm, nên sửa án phí có giá ngạch

- Anh T được nhận tài sản tổng trị giá 1.149.975.000 đồng, nên án phí có giá ngạch là 46.499.000 đồng; tiền thu nợ từ chị H giao trả là 103 triệu đồng, nên án phí là 5.150.000 đồng. Tổng cộng anh T phải chịu án phí là 51.649.000 đồng, đã dự nộp 1.019.000 đồng được đối trừ, phải tiếp tục nộp 50.630.000 đồng.

- Chị H được nhận giá trị tài sản 226.227.000đ + 230.937.000đ = 457.164.000 đồng; chị H phải chịu án phí 22.286.000 đồng (làm tròn), đối trừ đã dự nộp 14.200.000 đồng, tiếp tục nộp 8.086.000 đồng.

[6] Án phí phúc thẩm anh T không phải chịu đã dự nộp được nhận lại; ông T được miễn vì là người cao tuổi.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị y án sơ thẩm; tuy nhiên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản sơ thẩm với những căn cứ nhận định trên.

[8] Với những nội dung nhận định trên, ý kiến của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn được chấp nhận một phần, cho nguyên đơn và cho ông T không được chấp nhận.

[9] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Văn T; chấp nhận một phần kháng cáo của anh Mai Hoàng T về chia tài sản là quyền sử dụng đất; sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 202/2022/HNGĐ-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 165, Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 16, Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Mai Hoàng T về việc yêu cầu phân chia 01 chiếc nhẫn mặt tợ 05 chỉ vàng 24k, 02 bộ vòng đeo tay vàng 18k có 21 chiếc vòng, 01 dây chuyền vàng 18k, 03 chiếc nhẫn vàng 18k.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung của chị Trương Hồng H;

- Chị Trương Hồng H được hưởng ½ giá trị nhà là 226.227.000 đồng và một phần giá trị quyền sử dụng đất 230.937.000 đồng. Tổng cộng chị H được nhận số tiền là 457.164.000 đồng từ anh T giao.

- Anh Mai Hoàng T: Diện tích đất 23.093,7m^2 tọa lạc ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau do Mai Hoàng T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là

tài sản riêng của anh T. Anh T được quản lý, định đoạt phần đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, gồm: một căn nhà tường kiên cố, hai căn nhà bằng cây gỗ địa phương, sân lót gạch tự chèn, một cống xổ vuông bằng xi măng.

Vị trí thửa đất có các hướng tiếp giáp: Hướng Đông: Điểm M6M7 dài 60,02m giáp sông ngọn Gạch Vọp; Hướng Tây: Điểm M1M2 dài 51,48m tiếp giáp ông Huỳnh Văn Tuấn; Hướng Nam: Điểm M1M4 dài 499,22m và M8M7 dài 24,31m tiếp giáp phần đất ông Huỳnh Trung Bộ; Hướng Bắc: Điểm M2M3 dài 480,38m và M5M6 dài 9,64m tiếp giáp đất ông Phạm Thanh Sơn.

(Chi tiết có biên bản thẩm định ngày 04/3/2022 và Mãnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 07/3/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ kèm theo).

Anh T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị H số tiền 457.164.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Mai Hoàng T về việc anh T đã thanh toán nợ chung cho các chủ nợ. Buộc chị Trương Hồng H phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Mai Hoàng T số tiền 103.000.000 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Mai Văn T về việc yêu cầu anh Mai Hoàng T và chị Trương Hồng H giao trả cho ông T diện tích đất 23.093,7m^2 tọa lạc ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau do anh Mai Hoàng T đứng tên quyền sử dụng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm

- Chị Trương Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.286.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.200.000 đồng theo biên lai số 0011940 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, chị Trương Hồng H còn phải nộp tiếp số tiền là 8.086.000 đồng.

- Anh Mai Hoàng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 51.649.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.019.000 đồng theo biên lai số 0012551 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, anh T còn phải nộp tiếp số tiền là 50.630.000 đồng.

6. Về án phí phúc thẩm: Anh T không phải chịu, đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0012952 ngày 06/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, được nhận lại toàn bộ; Ông T được miễn án phí.

7. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí thẩm định và định giá là 7.615.000 đồng, chị Trương Hồng H phải chịu 3.046.000 đồng, chị Trương Hồng H đã nộp đủ; Anh Mai Hoàng T phải chịu 4.569.000 đồng, chị H đã nộp đủ, buộc anh T phải có nghĩa vụ trả lại cho chị H số tiền 4.569.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Trương Hồng H và anh Mai Hoàng T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp người có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền mà chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

8. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền